

Số: 26/QĐ-ĐHXDMT

Phủ Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025
và toàn khóa học của sinh viên lớp D20XDK, D20CDK1, D20CNK1 và D20XCK1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị Quyết số 22/NQ-HĐT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-ĐHXDMT ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-ĐHXDMT ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc đánh giá kết quả học tập sinh viên đại học lớp D20XDK, D20CDK1, D20CNK1, D20XCK1, học kỳ I năm học 2024 – 2025 (dành cho sinh viên cuối khóa);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá và xếp loại rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025 và toàn khóa học của sinh viên lớp D20XDK, D20CDK1, D20XCK1 và D20CNK1.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Kết quả điểm rèn luyện là căn cứ xét học bổng khuyến khích học tập, khen thưởng theo Quy chế. Kết quả điểm rèn luyện sinh viên được lưu trong hồ sơ và được ghi vào bảng điểm học tập cuối khóa của sinh viên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1 và Điều 3 (t/h);
- HĐT, Hiệu trưởng (b/c);
- Cố vấn học tập, lớp sinh viên;
- Niêm yết Website;
- Lưu: VT, CTSV.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Đức Thường

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM 2024 - 2025

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : XD dân dụng và công nghiệp

Lớp học : D20XDK1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
1	20DQ5802011001	Phùng Quốc	Chung	11/01/2002	79	Khá	
2	20DQ5802011003	Nguyễn Thành	Duy	07/08/1996	61	TB	
3	20DQ5802011004	Phan Hữu	Đàm	02/12/2002	53	TB	
4	20DQ5802011005	Võ Thành	Đông	22/01/2000	90	Xuất sắc	
5	20DQ5802011007	Nguyễn Mạnh	Hoàng	06/11/2001	80	Tốt	
6	20DQ5802011008	Rơ Nhất	Huy	26/07/2002	60	TB	
7	20DQ5802011009	Tô Văn	Lợi	06/02/2002	92	Xuất sắc	
8	20DQ5802011010	Nguyễn Thanh Minh	Mẫn	04/09/2002	66	Khá	
9	20DQ5802011011	Hà Vinh	Nhi	24/12/2001	56	TB	
10	20DQ5802011012	Trương Tiến	Phát	10/05/2002	85	Tốt	
11	20DQ5802011013	Huỳnh Quốc	Phong	29/09/2002	76	Khá	
12	20DQ5802011014	Võ Minh	Phúc	28/03/2002	75	Khá	
13	20DQ5802011015	Đặng Ngọc	Quý	25/06/2002	60	TB	
14	20DQ5802011016	Nguyễn Xuân	Tùng	24/05/2001	72	Khá	
15	20DQ5802011020	Ngô Ngọc	Triết	31/12/2002	90	Xuất sắc	
16	20DQ5802011022	Đào Đình	Vũ	27/06/2002	92	Xuất sắc	
17	20DQ5802011027	Võ Thành	Duy	14/05/2002	90	Xuất sắc	
18	20DQ5802011100	Trần Xuân	Bính	09/09/2002	77	Khá	
19	20DQ5802011102	Nguyễn Minh	Duy	18/03/2002	69	Khá	
20	20DQ5802011105	Nguyễn Quốc	Đạt	13/01/2002	84	Tốt	
21	20DQ5802011106	Nguyễn Văn	Đông	10/01/2002	80	Tốt	
22	20DQ5802011108	Huỳnh Văn Thành	Hậu	10/07/2001	75	Khá	
23	20DQ5802011110	Trương Nhật	Hoàng	19/07/2002	75	Khá	



STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
24	20DQ5802011113	Nguyễn Quốc Hưng	19/05/2002	85	Tốt	
25	20DQ5802011114	Lê Trần Anh Khoa	24/02/2001	82	Tốt	
26	20DQ5802011117	Lê Xuân Lộc	15/05/2002	73	Khá	
27	20DQ5802011119	Nguyễn Tấn Lực	15/04/2002	73	Khá	
28	20DQ5802011120	Phan Văn Nam	07/03/2002	75	Khá	
29	20DQ5802011121	Bùi Viết Nguyên	13/03/2002	70	Khá	
30	20DQ5802011122	Cao Thị Hồng Nhung	19/05/2002	82	Tốt	
31	20DQ5802011123	Nguyễn Khánh Phương	18/05/2002	94	Xuất sắc	
32	20DQ5802011124	Phạm Minh Quân	23/04/2002	87	Tốt	
33	20DQ5802011128	Trần Minh Tiên	08/02/2001	87	Tốt	
34	20DQ5802011131	Huỳnh Anh Tuấn	11/08/2002	76	Khá	
35	20DQ5802011134	Nguyễn Trần Quang Thiện	12/12/2000	57	TB	
36	20DQ5802011135	Lê Chí Trình	06/01/2002	81	Tốt	
37	20DQ5802011136	Nguyễn Ngọc Trúc	06/06/2002	86	Tốt	
38	20DQ5802011138	Nguyễn Thành Quang	19/06/2002	77	Khá	
39	20DQ5802011139	Phạm Duy Đàm	02/08/2002	90	Xuất sắc	
40	20DQ5802011153	Nguyễn Văn Tùng	06/04/2002	72	Khá	
41	20DQ5802011166	Trần Đình Tây	23/05/2002	53	TB	

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	7	17.07%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	11	26.83%	TB	7	17.07%
Khá	16	39.02%	Yếu -Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Lê Đức Thường

Phó trưởng phòng CTSV
Ths. Lê Trọng Hoài

Người lập bảng
Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM 2024 - 2025

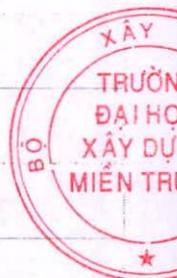
Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : XD dân dụng và công nghiệp

Lớp học : D20XDK2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
1	20DQ5802011025	Phan Mạnh	Cường	09/03/2002	68	Khá	
2	20DQ5802011030	Hà Anh	Huy	16/02/2002	68	Khá	
3	20DQ5802011031	Đặng Quốc	Huy	04/11/2002	53	TB	
4	20DQ5802011034	Nguyễn Văn	Long	03/09/2002	92	Xuất sắc	
5	20DQ5802011035	Phạm Minh	Lộc	15/03/2002	74	Khá	
6	20DQ5802011036	Đỗ Tấn	Lợi	01/10/2002	81	Tốt	
7	20DQ5802011038	Trần Ngọc	Minh	18/10/2002	50	TB	
8	20DQ5802011039	Nguyễn Hoàng	Nam	26/08/2002	75	Khá	
9	20DQ5802011040	Phạm Minh	Nguyên	30/07/2002	65	Khá	
10	20DQ5802011043	Nguyễn Quốc	Quân	25/03/2002	66	Khá	
11	20DQ5802011045	Nguyễn Văn	Tài	06/07/2002	100	Xuất sắc	
12	20DQ5802011047	Nguyễn Việt	Tiến	15/10/2002	66	Khá	
13	20DQ5802011049	Nguyễn Thanh	Tuân	17/11/2002	92	Xuất sắc	
14	20DQ5802011050	Nguyễn Thanh	Tùng	27/09/1998	50	TB	
15	20DQ5802011052	Phạm Xuân	Thắng	07/04/2002	54	TB	
16	20DQ5802011053	Văn Phú	Thức	21/09/2002	68	Khá	
17	20DQ5802011055	Nguyễn Khánh	Trung	14/02/2002	74	Khá	
18	20DQ5802011056	Huỳnh Bá	Vũ	12/07/2002	75	Khá	
19	20DQ5802011057	Phạm Tiến	Đạt	17/11/2002	56	TB	
20	20DQ5802011094	Văn Phú	Trí	21/09/2002	68	Khá	
21	20DQ5802011150	Nguyễn Văn	Thuyền	01/03/2002	98	Xuất sắc	
22	20DQ5802011151	Nguyễn Thanh	Lâm	30/12/2002	74	Khá	
23	20DQ5802011159	Ngô Xuân	Lượng	13/07/2000	78	Khá	



STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
24	20DQ5802012002	Trần Lê Thanh	Khuong	09/05/2002	92	Xuất sắc	
25	20DQ5802012004	Lê Tấn	Tuất	11/02/2001	64	TB	
26	20DQ5802013001	Đoàn Nguyễn Thanh	Hiền	31/12/2002	74	Khá	
27	20DQ5802014001	Trần Phùng Phương	Huy	09/03/2002	61	TB	

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	5	18.52%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	1	3.70%	TB	7	25.93%
Khá	14	51.85%	Yếu -Kém	0	0.00%

Phú Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phó trưởng phòng CTSV

Người lập bảng



TS. Lê Đức Thương

Ths. Lê Trọng Hoài

Nguyễn Thanh Bình



KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM 2024 - 2025

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : XD dân dụng và công nghiệp

Lớp học : D20XDK3

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
1	20DQ5802011061	Võ Anh	Danh	23/09/2002	68	Khá	
2	20DQ5802011065	Trần Hoàng	Đăng	30/09/2002	80	Tốt	
3	20DQ5802011066	Nguyễn Công	Đức	31/10/2002	87	Tốt	
4	20DQ5802011068	Võ Quốc	Hiệp	29/07/2002	68	Khá	
5	20DQ5802011070	Huỳnh Ngọc	Huân	03/01/2002	69	Khá	
6	20DQ5802011072	Lê Quốc	Huỳnh	13/03/2002	71	Khá	
7	20DQ5802011073	Huỳnh Tấn	Khoa	17/06/2002	65	Khá	
8	20DQ5802011074	Nguyễn Thành	Linh	04/05/2002	68	Khá	
9	20DQ5802011075	Nguyễn Hoàng	Long	10/02/2002	74	Khá	
10	20DQ5802011076	Thái Hoàng	Lộc	28/08/2002	78	Khá	
11	20DQ5802011081	Tô	Nhật	21/12/2002	74	Khá	
12	20DQ5802011082	Biện Ngọc	Phi	16/01/2002	66	Khá	
13	20DQ5802011083	Lê Anh	Quân	26/12/2002	70	Khá	
14	20DQ5802011084	Võ Đình	Quốc	12/07/2002	65	Khá	
15	20DQ5802011086	Huỳnh Đức	Tạo	01/07/2002	70	Khá	
16	20DQ5802011090	Nguyễn Nhật	Tuân	01/02/2002	83	Tốt	
17	20DQ5802011092	Hoàng Việt	Thạch	13/09/2002	68	Khá	
18	20DQ5802011093	Võ Tấn	Thật	19/11/2002	95	Xuất sắc	
19	20DQ5802011095	Huỳnh	Trọng	08/02/2002	72	Khá	
20	20DQ5802011097	Đoàn Văn	Hiếu	12/07/2002	82	Tốt	
21	20DQ5802011158	Phan Lê Ngọc	Sơn	22/03/2002	87	Tốt	
22	20DQ5802011160	Dương Tấn	Lộc	29/11/2002	79	Khá	
23	20DQ5802011162	Nguyễn Đức	Duy	10/10/2002	68	Khá	



STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
24	20DQ5802011164	Nguyễn Dương Lực	18/03/2002	69	Khá	

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	1	4.17%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	5	20.83%	TB	0	0.00%
Khá	18	75.00%	Yếu - Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phó trưởng phòng CTSV

Người lập bảng



TS. Lê Đức Thường

Ths. Lê Trọng Hoài

Nguyễn Thanh Bình



KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM 2024 - 2025

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : XD dân dụng và công nghiệp

Lớp học : D20XDK5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
1	20DQ5802011167	Trần Thế	Biên	12/05/2002	65	Khá	
2	20DQ5802011168	Trần Quốc	Bình	21/04/2002	69	Khá	
3	20DQ5802011171	Lê Văn	Hiếu	29/01/2002	92	Xuất sắc	
4	20DQ5802011174	Mai Văn	Tài	29/10/2002	74	Khá	
5	20DQ5802011176	Nguyễn Văn	Thù	31/08/2002	86	Tốt	
6	20DQ5802011177	Ngô Thành	Tín	10/04/2002	65	Khá	
7	20DQ5802011178	Nguyễn Văn	Toàn	03/02/2002	60	TB	
8	20DQ5802011180	Nguyễn Anh	Tuấn	04/04/2002	74	Khá	
9	20DQ5802011181	Ngô Thái	An	03/03/2002	60	TB	
10	20DQ5802011187	Lê Tự	Quân	13/11/2002	53	TB	
11	20DQ5802011191	Lê Thành	Thắng	02/10/2002	92	Xuất sắc	
12	20DQ5802011192	Lâm Lưu	Vũ	26/10/2002	60	TB	
13	20DQ5802011195	Huỳnh Trọng	Thiện	12/05/2002	60	TB	
14	20DQ5802011199	Nguyễn Trần Anh	Tú	04/10/2002	80	Tốt	
15	20DQ5802011200	Võ Tiến	Sĩ	31/08/2002	95	Xuất sắc	
16	20DQ5802011901	Phùng Quốc	Văn	27/05/1998	68	Khá	
17	20DQ5802011902	Trần Quốc	Hào	02/11/1998	60	TB	
18	20DQ5802011903	Nguyễn Anh	Đức	20/09/1997	50	TB	
19	20DQ5802011909	Đặng Hòa	Phước	20/10/1998	69	Khá	
20	20DQ5802011910	Nguyễn Hoàng	Khanh	30/04/2000	68	Khá	
21	20DQ5802011919	Hồ Văn	Nam	05/07/2000	63	TB	
22	20DQ5802011923	Nguyễn Thành	Tâm	09/04/1999	63	TB	
23	20DQ5802011927	Nguyễn Đình	Tín	15/03/2000	70	Khá	



STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
24	20DQ5802011930	Huỳnh Bảo Huy	23/08/1999	60	TB	
25	20DQ5802011936	Lê Quang Tiến	05/09/1999	56	TB	
26	20DQ5802011939	Phạm Đình Văn	10/09/1997	65	Khá	
27	20DQ5802016201	Nguyễn Tiến Đạt	21/06/2002	71	Khá	

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	3	11.11%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	2	7.41%	TB	11	40.74%
Khá	11	40.74%	Yếu -Kém	0	0.00%

Phú Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2025

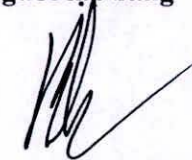
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Đức Thường

Phó trưởng phòng CTSV


Ths. Lê Trọng Hoài

Người lập bảng


Nguyễn Thanh Bình



KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM 2024 - 2025

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Cấp thoát nước

Lớp học : D20CNK1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
1	20DQ5802131001	Nguyễn Ngọc	An	26/03/2002	76	Khá	
2	20DQ5802131003	Nguyễn Quốc	Hậu	01/06/2002	97	Xuất sắc	
3	20DQ5802131006	Huỳnh Minh	Tấn	20/06/2002	73	Khá	
4	20DQ5802131007	Đoàn Quang	Trung	12/06/2002	73	Khá	
5	20DQ5802131011	Nguyễn Ngọc Đoàn	Long	06/01/2002	83	Tốt	

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	1	20.00%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	1	20.00%	TB	0	0.00%
Khá	3	60.00%	Yếu - Kém	0	0.00%

Phú Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phó trưởng phòng CTSV

Người lập bảng



TS. Lê Đức Thường

Ths. Lê Trọng Hoài

Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM 2024 - 2025

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Xây dựng cầu đường

Lớp học : D20CDK1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
1	20DQ5802051003	Phạm Duy	Hoàng	21/12/2002	71	Khá	
2	20DQ5802051004	Nguyễn Gia	Hưng	24/03/2002	70	Khá	
3	20DQ5802051005	Nguyễn Gia	Khải	28/03/2002	86	Tốt	
4	20DQ5802051007	Nguyễn Thành	Nhân	09/09/2002	87	Tốt	
5	20DQ5802051008	Hồ Minh	Phú	15/10/2002	68	Khá	
6	20DQ5802051009	Đoàn Tấn	Tài	17/03/2002	72	Khá	
7	20DQ5802051010	Trần Nguyễn Kim	Tiến	26/03/2002	69	Khá	
8	20DQ5802051011	Nguyễn Ngọc	Tĩnh	31/01/2002	71	Khá	
9	20DQ5802051012	Ngô Thạch	Thức	04/07/2002	65	Khá	
10	20DQ5802051015	Lê Thành	Luân	13/04/2002	67	Khá	
11	20DQ5802051016	Nguyễn Thị Thu	Hương	02/06/2002	100	Xuất sắc	
12	20DQ5802051018	Hồ Viết	Tín	11/04/2002	100	Xuất sắc	
13	20DQ5802051020	Trịnh Quốc	Việt	25/11/2002	65	Khá	
14	20DQ5802051021	Nguyễn Thanh	Toàn	30/06/2002	72	Khá	
15	20DQ5802051626	Lương Hàn	Thuyền	02/11/2001	94	Xuất sắc	
16	20DQ5802051901	Đinh Quang	Nhật	24/10/1998	71	Khá	
17	20DQ5802051902	Lê Hồng	Pháp	08/10/1998	65	Khá	
18	20DQ5802051904	Bùi Nguyên	Hưng	11/10/1999	65	Khá	

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	3	16.67%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	2	11.11%	TB	0	0.00%
Khá	13	72.22%	Yếu -Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phó trưởng phòng CTSV

Người lập bảng

TS. Lê Đức Thường

Ths. Lê Trọng Hoài

Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM 2024 - 2025

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình

Lớp học : D20XCK1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
1	20DQ5802015001	Lương Thành	Duy	17/01/2002	79	Khá	
2	20DQ5802015002	Nguyễn Minh	Hoàng	28/05/2002	84	Tốt	
3	20DQ5802015003	Nguyễn Quốc	Huy	15/07/2002	88	Tốt	
4	20DQ5802015004	Bùi Huỳnh	Khang	06/02/2002	98	Xuất sắc	
5	20DQ5802015005	Huỳnh Văn	Linh	24/02/2002	81	Tốt	
6	20DQ5802015006	Huỳnh Kim	Quý	11/11/2002	80	Tốt	
7	20DQ5802015007	Lê Thế	Sinh	25/05/2002	75	Khá	
8	20DQ5802015008	Nguyễn Thanh	Toàn	06/04/2002	67	Khá	
9	20DQ5802015013	Nguyễn Văn	Trà	14/10/2002	84	Tốt	

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	1	11.11%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	5	55.56%	TB	0	0.00%
Khá	3	33.33%	Yếu -Kém	0	0.00%

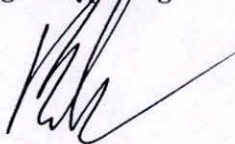
Phú Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Đức Thường

Phó trưởng phòng CTSV

Ths. Lê Trọng Hoài

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : XD dân dụng và công nghiệp

Lớp học : D20XDK1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	20DQ5802011001	Phùng Quốc	Chung	11/01/2002	69	67	63	73	79	72	Khá
2	20DQ5802011003	Nguyễn Thành	Duy	07/08/1996	90	88	84	71	61	74	Khá
3	20DQ5802011004	Phan Hữu	Đàm	02/12/2002	68	65	65	59	53	60	TB
4	20DQ5802011005	Võ Thành	Đông	22/01/2000	100	92	92	90	90	91	Xuất sắc
5	20DQ5802011007	Nguyễn Mạnh	Hoàng	06/11/2001	72	78	81	83	80	80	Tốt
6	20DQ5802011008	Rơ Nhất	Huy	26/07/2002	76	67	75	71	60	68	Khá
7	20DQ5802011009	Tô Văn	Lợi	06/02/2002	96	83	79	89	92	88	Tốt
8	20DQ5802011010	Nguyễn Thanh Minh	Mẫn	04/09/2002	79	68	74	67	66	69	Khá
9	20DQ5802011011	Hà Vinh	Nhi	24/12/2001	69	64	57	56	56	58	TB
10	20DQ5802011012	Trương Tiến	Phát	10/05/2002	100	89	84	89	85	87	Tốt
11	20DQ5802011013	Huỳnh Quốc	Phong	29/09/2002	80	69	65	73	76	72	Khá
12	20DQ5802011014	Võ Minh	Phúc	28/03/2002	58	60	66	72	75	69	Khá
13	20DQ5802011015	Đặng Ngọc	Quý	25/06/2002	92	68	72	67	60	67	Khá
14	20DQ5802011016	Nguyễn Xuân	Tùng	24/05/2001	82	67	70	81	72	74	Khá
15	20DQ5802011020	Ngô Ngọc	Triết	31/12/2002	100	99	100	94	90	95	Xuất sắc
16	20DQ5802011022	Đào Đình	Vũ	27/06/2002	99	93	97	98	92	95	Xuất sắc
17	20DQ5802011027	Võ Thành	Duy	14/05/2002	89	90	86	93	90	90	Xuất sắc
18	20DQ5802011100	Trần Xuân	Bính	09/09/2002	70	67	75	77	77	75	Khá
19	20DQ5802011102	Nguyễn Minh	Duy	18/03/2002	72	66	65	73	69	69	Khá
20	20DQ5802011105	Nguyễn Quốc	Đạt	13/01/2002	87	81	72	80	84	80	Tốt
21	20DQ5802011106	Nguyễn Văn	Đông	10/01/2002	87	68	73	78	80	77	Khá
22	20DQ5802011108	Huỳnh Văn Thành	Hậu	10/07/2001	88	67	70	75	75	74	Khá
23	20DQ5802011110	Trương Nhật	Hoàng	19/07/2002	81	72	65	71	75	72	Khá
24	20DQ5802011113	Nguyễn Quốc	Hưng	19/05/2002	87	79	82	86	85	84	Tốt
25	20DQ5802011114	Lê Trần Anh	Khoa	24/02/2001	84	72	72	79	82	78	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
26	20DQ5802011117	Lê Xuân	Lộc	15/05/2002	68	60	58	73	73	68	Khá
27	20DQ5802011119	Nguyễn Tấn	Lực	15/04/2002	78	64	81	74	73	74	Khá
28	20DQ5802011120	Phan Văn	Nam	07/03/2002	62	61	57	73	75	68	Khá
29	20DQ5802011121	Bùi Viết	Nguyễn	13/03/2002	68	62	64	72	70	68	Khá
30	20DQ5802011122	Cao Thị Hồng	Nhung	19/05/2002	100	92	75	79	82	82	Tốt
31	20DQ5802011123	Nguyễn Khánh	Phương	18/05/2002	100	96	92	93	94	94	Xuất sắc
32	20DQ5802011124	Phạm Minh	Quân	23/04/2002	75	66	61	85	87	78	Khá
33	20DQ5802011128	Trần Minh	Tiên	08/02/2001	86	82	81	87	87	85	Tốt
34	20DQ5802011131	Huỳnh Anh	Tuấn	11/08/2002	68	61	56	70	76	68	Khá
35	20DQ5802011134	Nguyễn Trần Quang	Thiện	12/12/2000	70	60	58	55	57	58	TB
36	20DQ5802011135	Lê Chí	Trình	06/01/2002	79	64	71	78	81	76	Khá
37	20DQ5802011136	Nguyễn Ngọc	Trúc	06/06/2002	87	80	79	89	86	85	Tốt
38	20DQ5802011138	Nguyễn Thành	Quang	19/06/2002	71	67	67	76	77	73	Khá
39	20DQ5802011139	Phạm Duy	Đam	02/08/2002	97	91	84	93	90	90	Xuất sắc
40	20DQ5802011153	Nguyễn Văn	Tùng	06/04/2002	67	64	68	76	72	71	Khá
41	20DQ5802011166	Trần Đình	Tây	23/05/2002	98	82	74	61	53	66	Khá

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	6	14.63%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	8	19.51%	TB	3	7.32%
Khá	24	58.54%	Yếu - Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 14 tháng 1 năm 2015



TS. Lê Đức Thường

Phó trưởng phòng CTSV

Ths. Lê Trọng Hoài

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : XD dân dụng và công nghiệp

Lớp học : D20XDK2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	20DQ5802011025	Phan Mạnh	Cường	09/03/2002	60	63	64	65	68	65	Khá
2	20DQ5802011030	Hà Anh	Huy	16/02/2002	79	70	68	73	68	70	Khá
3	20DQ5802011031	Đặng Quốc	Huy	04/11/2002	62	60	63	54	53	57	TB
4	20DQ5802011034	Nguyễn Văn	Long	03/09/2002	88	86	81	89	92	88	Tốt
5	20DQ5802011035	Phạm Minh	Lộc	15/03/2002	68	63	64	70	74	69	Khá
6	20DQ5802011036	Đỗ Tấn	Lợi	01/10/2002	84	84	82	79	81	81	Tốt
7	20DQ5802011038	Trần Ngọc	Minh	18/10/2002			69	49	50	54	TB
8	20DQ5802011039	Nguyễn Hoàng	Nam	26/08/2002	72	61	66	75	75	71	Khá
9	20DQ5802011040	Phạm Minh	Nguyên	30/07/2002	64	57	59	65	65	63	TB
10	20DQ5802011043	Nguyễn Quốc	Quân	25/03/2002	73	57	64	69	66	66	Khá
11	20DQ5802011045	Nguyễn Văn	Tài	06/07/2002	64	80	93	94	100	92	Xuất sắc
12	20DQ5802011047	Nguyễn Việt	Tiến	15/10/2002	70	74	71	69	66	69	Khá
13	20DQ5802011049	Nguyễn Thanh	Tuân	17/11/2002	90	76	83	88	92	87	Tốt
14	20DQ5802011050	Nguyễn Thanh	Tùng	27/09/1998	68	62	54	68	50	58	TB
15	20DQ5802011052	Phạm Xuân	Thắng	07/04/2002	68	61	60	58	54	58	TB
16	20DQ5802011053	Văn Phú	Thức	21/09/2002	68	65	64	74	68	68	Khá
17	20DQ5802011055	Nguyễn Khánh	Trung	14/02/2002	68	61	66	72	74	70	Khá
18	20DQ5802011056	Huỳnh Bá	Vũ	12/07/2002	69	68	71	73	75	72	Khá
19	20DQ5802011057	Phạm Tiến	Đạt	17/11/2002	68	60	54	58	56	57	TB
20	20DQ5802011094	Văn Phú	Trí	21/09/2002	69	61	65	74	68	68	Khá
21	20DQ5802011150	Nguyễn Văn	Thuyền	01/03/2002	91	85	86	93	98	92	Xuất sắc
22	20DQ5802011151	Nguyễn Thanh	Lâm	30/12/2002	68	68	70	71	74	71	Khá
23	20DQ5802011159	Ngô Xuân	Lượng	13/07/2000	69	68	67	75	78	73	Khá
24	20DQ5802012002	Trần Lê Thanh	Khương	09/05/2002	88	81	85	89	92	88	Tốt
25	20DQ5802012004	Lê Tấn	Tuất	11/02/2001	64	61		61	64	63	TB

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
26	20DQ5802013001	Đoàn Nguyễn Thanh Hiền	31/12/2002	71	68	70	72	74	72	Khá
27	20DQ5802014001	Trần Phùng Phương Huy	09/03/2002	60	63	63	57	61	61	TB

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	2	7.41%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	4	14.81%	TB	8	29.63%
Khá	13	48.15%	Yếu -Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 14 tháng 04 năm 2015

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Đức Thường

Phó trưởng phòng CTSV

Ths. Lê Trọng Hoài

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình



KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : XD dân dụng và công nghiệp

Lớp học : D20XDK3

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	20DQ5802011061	Võ Anh	Danh	23/09/2002	66	61	62	78	68	Khá
2	20DQ5802011065	Trần Hoàng	Đăng	30/09/2002	78	78	76	86	80	Tốt
3	20DQ5802011066	Nguyễn Công	Đức	31/10/2002	76	81	83	92	87	Tốt
4	20DQ5802011068	Võ Quốc	Hiệp	29/07/2002	78	60	57	68	65	Khá
5	20DQ5802011070	Huỳnh Ngọc	Huân	03/01/2002	63	58	60	68	69	Khá
6	20DQ5802011072	Lê Quốc	Huỳnh	13/03/2002	68	62	62	75	71	Khá
7	20DQ5802011073	Huỳnh Tấn	Khoa	17/06/2002	68	61	58	71	65	Khá
8	20DQ5802011074	Nguyễn Thành	Linh	04/05/2002	63	60	54	67	64	TB
9	20DQ5802011075	Nguyễn Hoàng	Long	10/02/2002	61	59	57	74	74	Khá
10	20DQ5802011076	Thái Hoàng	Lộc	28/08/2002	70	71	68	79	78	Khá
11	20DQ5802011081	Tô	Nhật	21/12/2002	87	81	87	80	74	Tốt
12	20DQ5802011082	Biện Ngọc	Phi	16/01/2002	61	59	64	69	66	Khá
13	20DQ5802011083	Lê Anh	Quân	26/12/2002	61	57	62	69	70	Khá
14	20DQ5802011084	Võ Đình	Quốc	12/07/2002	66	63	59	73	65	Khá
15	20DQ5802011086	Huỳnh Đức	Tạo	01/07/2002	77	66	65	79	70	Khá
16	20DQ5802011090	Nguyễn Nhật	Tuân	01/02/2002	61	59	62	73	83	Khá
17	20DQ5802011092	Hoàng Việt	Thạch	13/09/2002	61	60	56	66	68	TB
18	20DQ5802011093	Võ Tấn	Thật	19/11/2002	90	86	91	94	95	Xuất sắc
19	20DQ5802011095	Huỳnh	Trọng	08/02/2002	61	59	59	71	72	Khá
20	20DQ5802011097	Đoàn Văn	Hiệu	12/07/2002	80	74	72	84	82	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
21	20DQ5802011158	Phan Lê Ngọc Sơn	22/03/2002	98	91	87	90	87	89	Tốt
22	20DQ5802011160	Dương Tấn Lộc	29/11/2002	77	79	76	84	79	80	Tốt
23	20DQ5802011162	Nguyễn Đức Duy	10/10/2002	65	59	64	75	68	68	Khá
24	20DQ5802011164	Nguyễn Dương Lực	18/03/2002	64	59	57	70	69	65	Khá

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	1	4.17%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	5	20.83%	TB	2	8.33%
Khá	16	66.67%	Yếu - Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phó trưởng phòng CTSV

Người lập bảng



TS. Lê Đức Thường

Ths. Lê Trọng Hoài

Nguyễn Thanh Bình



KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : XD dân dụng và công nghiệp

Lớp học : D20XDK5

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	20DQ5802011167	Trần Thế Biên	12/05/2002	85	83	68	67	65	70	Khá
2	20DQ5802011168	Trần Quốc Bình	21/04/2002	68	81	69	70	69	71	Khá
3	20DQ5802011171	Lê Văn Hiếu	29/01/2002	99	93	94	93	92	93	Xuất sắc
4	20DQ5802011174	Mai Văn Tài	29/10/2002	68	68	78	72	74	73	Khá
5	20DQ5802011176	Nguyễn Văn Thù	31/08/2002	73	85	83	92	86	86	Tốt
6	20DQ5802011177	Ngô Thành Tín	10/04/2002	82	74	84	67	65	72	Khá
7	20DQ5802011178	Nguyễn Văn Toàn	03/02/2002	64	67	67	69	60	65	Khá
8	20DQ5802011180	Nguyễn Anh Tuấn	04/04/2002	79	82	65	74	74	74	Khá
9	20DQ5802011181	Ngô Thái An	03/03/2002	66	61	0	64	60	50	TB
10	20DQ5802011187	Lê Tự Quân	13/11/2002	66	58	56	61	53	57	TB
11	20DQ5802011191	Lê Thành Thắng	02/10/2002	78	72	85	91	92	87	Tốt
12	20DQ5802011192	Lâm Lưu Vũ	26/10/2002	66	65	70	68	60	65	Khá
13	20DQ5802011195	Huỳnh Trọng Thiện	12/05/2002	61	58	66	67	60	63	TB
14	20DQ5802011199	Nguyễn Trần Anh Tú	04/10/2002	78	67	72	79	80	76	Khá
15	20DQ5802011200	Võ Tiến Sĩ	31/08/2002	75	87	98	97	95	94	Xuất sắc
16	20DQ5802011901	Phùng Quốc Văn	27/05/1998	71	72	51	62	68	64	TB
17	20DQ5802011902	Trần Quốc Hào	02/11/1998	68	58	51	65	60	60	TB
18	20DQ5802011903	Nguyễn Anh Đức	20/09/1997	67	71	52	52	50	55	TB
19	20DQ5802011909	Đặng Hòa Phước	20/10/1998	66	69	70	69	69	69	Khá
20	20DQ5802011910	Nguyễn Hoàng Khanh	30/04/2000	71	71	60	67	68	67	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
21	20DQ5802011919	Hồ Văn	Nam	05/07/2000	58	54	52	64	63	60	TB
22	20DQ5802011923	Nguyễn Thành	Tâm	09/04/1999	62	58	61	64	63	62	TB
23	20DQ5802011927	Nguyễn Đình	Tín	15/03/2000	68	62	60	66	70	66	Khá
24	20DQ5802011930	Huỳnh Bảo	Huy	23/08/1999	61	54	51	61	60	58	TB
25	20DQ5802011936	Lê Quang	Tiến	05/09/1999	67	61	66	63	56	61	TB
26	20DQ5802011939	Phạm Đình	Văn	10/09/1997	65	65	65	65	65	65	Khá
27	20DQ5802016201	Nguyễn Tiến	Đạt	21/06/2002	85	83	68	75	71	74	Khá

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	2	7.41%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	2	7.41%	TB	10	37.04%
Khá	13	48.15%	Yếu -Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phó trưởng phòng CTSV

Người lập bảng



TS. Lê Đức Thường

Ths. Lê Trọng Hoài

Nguyễn Thanh Bình



KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Cấp thoát nước

Lớp học : D20CNK1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	20DQ5802131001	Nguyễn Ngọc	An	26/03/2002	67	68	73	76	76	74	Khá
2	20DQ5802131003	Nguyễn Quốc	Hậu	01/06/2002	75	96	92	98	97	95	Xuất sắc
3	20DQ5802131006	Huỳnh Minh	Tấn	20/06/2002	72	72	72	73	73	73	Khá
4	20DQ5802131007	Đoàn Quang	Trung	12/06/2002	68	70	80	77	73	75	Khá
5	20DQ5802131011	Nguyễn Ngọc Đoàn	Long	06/01/2002	61	80	80	79	83	79	Khá

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	1	20.00%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	0	0.00%	TB	0	0.00%
Khá	4	80.00%	Yếu -Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phó trưởng phòng CTSV

Người lập bảng



TS. Lê Đức Thường

Ths. Lê Trọng Hoài

Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình

Lớp học : D20XCK1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	20DQ5802015001	Lương Thành Duy	17/01/2002	62	65	64	80	79	73	Khá
2	20DQ5802015002	Nguyễn Minh Hoàng	28/05/2002	64	72	81	87	84	81	Tốt
3	20DQ5802015003	Nguyễn Quốc Huy	15/07/2002	83	82	90	85	88	86	Tốt
4	20DQ5802015004	Bùi Huỳnh Khang	06/02/2002	81	79	84	96	98	91	Xuất sắc
5	20DQ5802015005	Huỳnh Văn Linh	24/02/2002	65	71	67	80	81	76	Khá
6	20DQ5802015006	Huỳnh Kim Quý	11/11/2002	73	70	70	79	80	76	Khá
7	20DQ5802015007	Lê Thế Sinh	25/05/2002	71	73	73	83	75	76	Khá
8	20DQ5802015008	Nguyễn Thanh Toàn	06/04/2002	63	60	67	75	67	68	Khá
9	20DQ5802015013	Nguyễn Văn Trà	14/10/2002	73	65	65	83	84	77	Khá

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	1	11.11%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	2	22.22%	TB	0	0.00%
Khá	6	66.67%	Yếu - Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 14 tháng 04 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phó trưởng phòng CTSV

Người lập bảng

TS. Lê Đức Thường

Ths. Lê Trọng Hoài

Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Xây dựng cầu đường

Lớp học : D20CDK1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	20DQ5802051003	Phạm Duy Hoàng	21/12/2002	50	55	68	71	71	67	Khá
2	20DQ5802051004	Nguyễn Gia Hưng	24/03/2002	78	71	59	70	70	68	Khá
3	20DQ5802051005	Nguyễn Gia Khải	28/03/2002	76	83	69	75	86	79	Khá
4	20DQ5802051007	Nguyễn Thành Nhân	09/09/2002	68	73	70	77	87	78	Khá
5	20DQ5802051008	Hồ Minh Phú	15/10/2002	57	56	63	67	68	64	TB
6	20DQ5802051009	Đoàn Tấn Tài	17/03/2002	53	61	70	69	72	68	Khá
7	20DQ5802051010	Trần Nguyễn Kim Tiến	26/03/2002	53	53	63	71	69	65	Khá
8	20DQ5802051011	Nguyễn Ngọc Tĩnh	31/01/2002	69	62	74	72	71	71	Khá
9	20DQ5802051012	Ngô Thạch Thức	04/07/2002	54	57	60	67	65	63	TB
10	20DQ5802051015	Lê Thành Luân	13/04/2002	59	64	62	73	67	67	Khá
11	20DQ5802051016	Nguyễn Thị Thu Hương	02/06/2002	91	97	98	95	100	97	Xuất sắc
12	20DQ5802051018	Hồ Viết Tín	11/04/2002	87	84	92	96	100	94	Xuất sắc
13	20DQ5802051020	Trịnh Quốc Việt	25/11/2002	64	58	68	69	65	66	Khá
14	20DQ5802051021	Nguyễn Thanh Toàn	30/06/2002	53	56	65	72	72	67	Khá
15	20DQ5802051626	Lương Hàn Thuyên	02/11/2001	84	84	84	86	94	88	Tốt
16	20DQ5802051901	Đinh Quang Nhật	24/10/1998	51	58	52	65	71	63	TB
17	20DQ5802051902	Lê Hồng Pháp	08/10/1998	53	56	57	67	65	62	TB
18	20DQ5802051904	Bùi Nguyên Hưng	11/10/1999	53	58	64	68	65	64	TB

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	2	11.11%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	1	5.56%	TB	5	27.78%
Khá	10	55.56%	Yếu - Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phó trưởng phòng CTSV

Người lập bảng

TS. Lê Đức Thường

Ths. Lê Trọng Hoài

Nguyễn Thanh Bình